



inh thời ông Một Thế (Nguyễn Văn Thế 1910-1991 người xã Tân Nhật, Bình Chánh), mỗi khi gặp bạn bè quen thân, gợi nhớ những kỷ niệm

hồi trẻ, ông lại nói đủ thứ từ việc học hành đến tiền bạc giá cả. Ấy là cái hồi năm 1926, tức năm ông Một mười sáu tuổi, sau đám tang Phan Chu Trinh, ông bị gia đình bắt buộc phải qua Pháp du học, vì sợ để ở nhà rồi sẽ "lâm giặc".

Qua bên Pháp rồi, cứ ba tháng ông Một Thế được gia đình gửi cho năm chục đồng bạc Đông Dương, tiền ăn và chi tiêu các khoản, chuyển ngân theo tỷ giá chính thức, một đồng bạc Đông Dương ăn 17 quan (franc) giá lúa ở Nam kỳ lúc tỉnh lúc ấy là 1,20 (một đồng 2 cắc) một chục gia.

Năm 1929, sau khi thi đậu Brevet tại Aix-en-Provence, ông Một Thế về thăm nhà rồi ở lại luôn.

Tháng 5.1930, một cuộc biểu tình được tổ chức tại xã Tân Túc để lên quận (Trung quận) "xin sấu". Sấu (sua) tức thuế thân, người dân không tấc đất cắm dùi nhưng vẫn phải nộp 3 đồng bạc để lấy giấy thuế thân.

Đoàn biểu tình tất cả hơn ba trăm gồm dân ông dân bà con trai con gái ba xã Tân Nhật, Tân Túc, Tân Kiên, xuất phát từ đình Tân Túc chạy bộ lên tới An Lạc thì bị chánh tham biện Renault và Đốc Phủ Giáp đưa lính từ Chợ Lớn xuống chặn. Người cầm đầu cuộc biểu tình, ông Một Thế bị bắt giữ, sau đó được đưa lên giam tại trại trừng giới Ông Yệm (Bến Cát) vì chưa đến tuổi để ra tòa.

Cuộc đời ông Một Thế, kể từ đây là những thách thức gian truân. Nhưng hãy tạm gác đề nói về vấn đề tiền bạc giá cả. Vậy thì như tờ *Phụ nữ Tân Văn* xuất bản ở Sài Gòn, số 87 phát hành ngày 18.6.1931, cho biết rằng so với năm trước, giá lúa có nhích lên chút đỉnh nhưng giá súc, giá cầm, giá vải không tăng.

Một con trâu giá khoảng mười hai đồng trở lên đến mười lăm đồng.

Ba cắc một con heo nhỏ.

Vịt bầu mỗi con một cắc.

Gà giò chỉ 7 hoặc 8 xu một con.

Trứng gà trứng vịt từ 5 đến 7 xu một chục.

Đồng xu của Đông Dương ngân hàng thoát đầu đúc bằng đồng đỏ, rồi về sau mới đúc bằng kẽm, nhưng từ khi được lưu hành cho đến khi hết xài vào năm 1945, đồng xu trước sau đều tương đối có vị trí trên thị trường. Những năm 1935, 36, 37 kinh tế khủng hoảng, một thầy ký của hãng thuốc lá Mic mỗi tháng lãnh lương 45đ, trong khi ấy tờ hú tít vẫn chỉ 2 xu. Xe kéo (chưa có xích lô) một cuộc từ Chợ Cú Sài Gòn vào Chợ Lớn, thông thường là một cắc hoặc hơn kém chút đỉnh, cuộc xe kéo



NGUYỄN NGUYỄN

chạy ngắn nhất, một hoặc hai xu tùy lúc. Trong chợ Bến Thành có một quán cà phê bình dân, đêm đêm bán từ giắc khuya đến sáng. Để giúp cho khách giải trí và để cảnh đêm hôm đỡ vắng lặng, tại quán thường xuyên tức trực một ông già mù chuyên kể chuyện Tam Quốc. Ông già mù kể theo con hứng hoặc tùy theo yêu cầu của người nghe, truyện có thể bắt đầu từ chỗ Đào viên kết nghĩa, hoặc riêng cái đoạn Giang Tả cầu hôn, bất luận đoạn nào, hồi nào cũng được hết vì hết thấy ông già đã thuộc nằm lòng. Người nghe dù chốc lát hay cả giờ lâu, thù lao vẫn là tùy hỉ, hậu hĩnh thì 2 xu, bình thường là 1 xu.

Cái đồng xu kẽm ngay cả thời gian Pháp bị Nhật hất cẳng (cuộc đảo chánh tháng 3.1945) vẫn cứ còn xài. Và rồi cuối năm 1945 thực dân Pháp trở lại tái chiếm Sài Gòn, Đông Dương ngân hàng tuy mở cửa, nhưng đồng xu khi không biến mất. Đơn vị tiêu dùng ở Sài Gòn từ bấy giờ trở đi, nhỏ nhất phải là tờ giấy một hào. Cũng xin lưu ý là, bạc Đông Dương tờ một hào, hai hào, năm hào, một đồng, năm đồng, hai chục, và giấy bộ lư (một trăm đồng) chỉ lưu hành trong vùng Pháp chiếm đóng còn ngoài vùng tự do hoặc vùng xói dậu, bà con Sài Gòn Gia Định, các nơi miền Đông miền Tây Nam bộ xài giấy bạc cụ Hồ. Giấy lớn thì 50 đồng, giấy nhỏ thì một hào, hai hào, năm hào, một đồng, năm đồng...

Suốt thời gian kháng chiến chín năm, dân miền Nam vùng tự do tiêu tiền cụ Hồ. Còn giấy bạc Đông Dương thì được xài cho tới năm 1956 mới có sự thay thế bởi giấy bạc ngân hàng quốc gia nằm trong hệ thống đồng đô-la Mỹ.

Nửa cuối thập kỷ 50 và đầu thập kỷ 60, tờ giấy bạc 1 đồng và 5 cắc của ngân hàng quốc gia (chế độ Ngô Đình Diệm) có giá trị tương đối trong việc mua sắm đồ ăn thức uống, con cá mớ rau. Tờ hú tít hồi năm 1956, giá bình dân là 3,50đ rồi 4đ, cái giá 4đ giữ được lâu lắm. Phở bò 5đ, 7đ nếu 8đ hoặc 10đ là to lớn và ngon cực kỳ.

Một cô thư ký hoặc cậu ký lương công nhật, không bằng cấp, mỗi tháng lãnh 2.100đ, nếu có bằng trung học phổ thông, lãnh 2.300đ, có bằng tú tài toàn phần lãnh 2.500đ như vậy không kể tiền quần áo son phấn, tiền chợ hàng ngày, mỗi buổi sáng, cô ký nghèo vẫn dư sức ăn phở, ăn hú tít và ly cà phê sữa nhỏ (2đ50). Xin nhớ đây là thư ký công nhật, còn thư ký chánh ngạch lại đứng trong đẳng cấp khác. Chánh ngạch lương gấp đôi công nhật, lương vợ lương con của chánh ngạch thì gấp mười lần lương vợ con của thư ký công nhật.

Thư ký chánh ngạch tức ông Phan tuy không thể "sảng rượu sầm banh tối sữa bò" như ông Phan ở vào thời cụ Tú Xương, nhưng có thể bia bọt thoải mái vì chai bia 33 khi ấy, giá si là 7đ, bia đầu cộp chai lớn là 8đ. Mà cũng bia ấy, ở nhà hàng Tiểu Bồng Lai, khách phải trả 20đ trong giờ ca nhậu.

Giá bia cũng như thực phẩm nhiều thứ từng bước vọt từ 1964 trở đi. Và năm 1970, chai bia lớn 100đ, tờ phở tái 100đ, tờ hú tít 80đ. Tiền lương viên chức của chế độ Sài Gòn vào thời gian tuy có điều chỉnh để phần nào đáp ứng cái biến động của vật giá, nhưng đời sống vẫn đi xuống dần dần cho đến tháng 4.1975, lịch sử sang trang.

Để khép lại câu chuyện, xin được thêm đôi dòng về ông Một Thế. Như ông Một vẫn nhớ lúc 2 xu một tờ hú tít ấy, đàn ông con trai mặc đồ ba may bằng lụa Lào, một bên túi bỏ tờ giấy bạc 20đ gấp đôi một bên thì bao thuốc con lạc đà (Camel), khỏi giới thiệu, ai cũng biết đây là dân cậu. "Cậu Mười Một" (Nguyễn Văn Thế) dời người ba bốn phen đi ngời tù. Phen tù lâu nhất là 8 năm cầm cố ở Côn Đảo (1955-1964) vì tội tổ chức biểu tình đòi Mỹ Diệm thi hành hiệp định Genève. Trong tập hồi ký của ông Một chỉ riêng những dòng nói về giá cả các thứ ở các thời điểm, nếu đem lập thành thống kê, có lẽ cũng thấy nhiều điều không dễ dàng phân tích, đầu là nhà chuyên môn kinh tế tài chánh ♣